UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NAM TÂY NGUYÊN

Số: 80 /BC-CT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Trực, ngày 30 tháng 07 năm 2025

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình thực hiện NSNN năm 2025, xây dựng dự toán năm 2026 và kế hoạch tài chính - NSNN giai đoạn 05 năm 2026-2030

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng

Thực hiện công văn số 11402/BTC-DNNN ngày 28 tháng 07 năm 2025 của Bộ Tài chính V/v tổng hợp, báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch tài chính năm 2025, xây dựng kế hoạch tài chính năm 2026 và giai đoạn 05 năm 2026-2030.

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nam Tây Nguyên thực hiện báo cáo đánh giá tình hình thực hiện NSNN năm 2025, xây dựng dự toán năm 2026 và kế hoạch tài chính - NSNN giai đoạn 05 năm 2026-2030 với các nội dung sau:

I. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ ĐỐI VỚI NĂM 2025:

1. Kế hoạch tài chính được Cơ quan đại diện chủ sở hữu giao năm 2025

Theo Quyết định số 107/QĐ-STC ngày 16/04/2025 của Sở Tài chính tỉnh Đăk Nông về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và Đầu tư phát triển năm 2025 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nam Tây Nguyên.

Với các chỉ tiêu kế hoạch tài chính được giao như sau:

- Tổng doanh thu : 34.510 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 3.980 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 3.190 triệu đồng
- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước : 800 triệu đồng

2. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch tài chính - ngân sách 6 tháng đầu nặm 2025 so với Kế hoạch năm 2025

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025	Thực hiện 30/6	Tỷ lệ đạt được
Tổng doanh thu	34.510	10.371	30%
Lợi nhuận trước thuế	3.980	393	10%
Lợi nhuận sau thuế	3.184	314	10%

Dựa trên biểu số liệu trên, tính đến thời điểm 30/06/2025 (giữa năm tài chính) kết quả doanh thu và lợi nhuận chưa đạt được như kì vọng. Nguyên nhân cụ thể như sau:

- Kinh phí dịch vụ môi trường rừng Quý 2/2025 chưa được tạm ứng.

- Công ty kí hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước năm 2025 với Sở Nông Nghiệp và Môi trường tỉnh Đăk Nông (cũ), đã hết Quý 2/2025 nhưng Công ty chưa được thanh toán giá trị hợp đồng của Quý 2

3. Đánh giá ước thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch tài chính năm 2025

3.1 Chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Cùng kì 2024	Kế hoạch năm	Thực hiện kì	Biến động so với (tỷ lệ %)	
				Cùng kì 2024	Kế hoạch năm
Tổng doanh thu	8.986	34.510	10.371	115%	30%
Chi phí SXKD	5.032	25.481	7.370	146%	29%
Chi phí quản lý	4.180	5.049	2.607	62%	52%
Lợi nhuận trước thuế	-225	3.980	393	275%	10%
Lợi nhuận sau thuế		3.184	314		10%

- Doanh thu tăng 15% so với cùng kì năm 2024, đạt 30% kế hoạch năm 2025.

- Lợi nhuận trước thuế tăng 275% so với cùng kì năm 2024, đạt 10% kế hoạch năm 2025.

- Chi phí SXKD tăng 46% trong khi đó chi phí quản lý giảm 38% cùng kì năm 2024, lý do phần chi phí sản xuất kinh doanh tập trung ở chi phí nhân công lao động, vào năm 2024 chi phí này được chi trả bằng nguồn ngân sách nhà nước không tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của đơn vị. Nhưng từ năm 2025, nguồn ngân sách không còn mà toàn bộ hoạt động tính trên chi phí SXKD nên chi phí tăng.

- Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng tự nhiên, Trồng rừng sản xuất và cây công nghiệp liên kết với người dân để trồng, khai thác lâm sản phụ (tre, lồ ô, nhựa thông), cho thuê môi trường rừng, phát triển du lịch sinh thái...So với các đơn vị trong ngành, Công ty đã ứng dụng công nghệ (flycam, phần mềm quản lý rừng) vào bảo vệ rừng, liên kết cộng đồng giữ rừng và phát triển sinh kế hiệu quả thông qua mô hình trồng rừng liên kết, quản lý một

diện tích rừng lớn 27.000 ha nhưng đảm bảo không để rừng bị lấn chiếm, xâm canh....

3.2 Chỉ tiêu về Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: triệu đồng

Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Phải nộp năm 2024	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện 30/6
Thuế giá trị gia tăng	126	126		
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	798	798	800	78
Thuế thu nhập cá nhân	100	100		
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	18	18		
Thuế tài nguyên	6	6		
Lợi nhuận sau trích lập, phí lệ phí	160	368	0	

- Trong năm 2024, Công ty hoạt động có hiệu quả, đạt kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra, tổng số thuế Thu nhập doanh nghiệp trong năm phải nộp là 798 triệu đồng, Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ nộp NSNN khoản mục thuế thu nhập doanh nghiệp 798 triệu đồng đúng thời hạn quyết toán và không nợ NSNN.

- Trong năm 2025, kế hoạch các khoản thuế phải nộp NSNN là 800 triệu, tăng so với năm 2024. Tính đến thời điểm 30/6/2025 Công ty thực hiện tạm nộp NSNN 78 triệu đồng. Không chậm nộp NSNN hay nợ tồn đọng.

4. Thuận lợi, khó khăn

- Thuận lợi:

+ Diện tích rừng lớn: Công ty quản lý hơn 27.000 ha rừng, tạo điều kiện phát triển lâm nghiệp, bảo tồn và khai thác tài nguyên rừng, là nguồn thu lớn của đơn vị;

+ Ứng dụng công nghệ: Triển khai phần mềm SMART, FLYCAM trong tuần tra rừng, giúp nâng cao quản lý;

+ Đa dạng hoạt động: Ngoài bảo vệ rừng, công ty còn phát triển khai thác lâm sản phụ, cho thuê môi trường rừng làm du lịch sinh thái;

+ Đội ngũ lãnh đạo, Cán bộ Công nhân viên có trình độ, chuyên môn nghiệp vụ cao.

- Khó khăn:

+ Lực lượng Quản lý bảo vệ rựng mỏng đối với tổng diện tích Công ty quản lý hơn 27.000 ha;

+ Địa bàn Công ty quản lý số lượng người dân tộc thiểu số nhiều, ý thức thấp, xâm chiếm đất rừng để canh tác.

+ Đường đi lại trên toàn lâm phần khó khăn, đặc biệt vào mùa mưa lũ.

5. Giải pháp để hoàn thành kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước năm 2025

- Giải pháp tài chính

+ Đẩy mạnh khai thác lâm sản phụ (lồ ô, tre, nứa) theo kế hoạch đề ra;

+ Đẩy mạnh công tác phát triển du lịch sinh thái, cho thuê môi trường rừng, kết hợp bảo tồn và kinh tế;

+ Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ngành nghề chính chủ yếu là thực hiện nhiệm vụ công ích về công tác quản lý bảo vệ rừng và phát triển vốn rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, trồng và chăm sóc rừng. Đảm bảo diện tích rừng ngày càng tăng.

- Giải pháp về công tác QLBVR, PCCCR

+ Tập trung mọi nguồn lực cho công tác QLBVR, hạn chế vi phạm lâm luật, xây dựng quy chế phối hợp giữa đơn vị chủ rừng với chính quyền địa phương, các lực lượng chức năng, các đơn vị chủ rừng lân cận;

+ Ứng dụng công nghệ trong công tác QLBVR;

+ Hợp đồng phối hợp tuyên truyền với già làng người có uy tín, nhóm người đại diện thôn, Bon để tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong công tác QLBVR;

+ Phối hợp với cơ quan chức năng nhằm giải toả, phá dỡ nhà tạm, các diện tích thuộc Lâm phần công ty quản lý bị lấn chiếm;

+ Cập nhật diễn biến rừng hằng Quý, hằng năm;

- Giải pháp về nguồn lực

+ Tuyển dụng lao động trẻ, chuyên môn nghiệp vụ cao để phục vụ công tác QLBVR, phát triển Công ty;

+ Xây dựng kế hoạch tiền lương, thang lương phù hợp để thu hút nhân lực;

+ Nâng cao năng lực người lao động, Cán bộ công nhân viên qua các lớp đào tạo, tập huấn trong mỗi nhiệm vụ vị trí đảm nhiệm.

II. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2026-2030

Mục tiêu giai đoạn 2026-2030: Tiếp tục xây dựng và phát triển Công ty là doanh nghiệp vững mạnh về kinh tế trong lĩnh vực lâm nghiệp đặc thù. Sản xuất kinh doanh hiệu quả, bảo toàn và phát triển nguồn vốn của chủ sở hữu. Phát triển an sinh xã hội tại địa phương.

II.1 Các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh năm 2026

- Sản phẩm từ dịch vụ môi trường rừng năm 2026, tổng diện tích: 22.130 ha
- Sản phẩm từ dịch vụ công bảo vệ rừng: 22.252,91 ha
- Tổng doanh thu kế hoạch: 31.674 triệu đồng

+ Doanh thu DVMTR: 15.506 triệu đồng

+ Doanh thu Hợp đồng dịch vụ công: bảo vệ rừng: 13.352 triệu đồng

+ Thu từ khai thác lồ ô: 2.000 triệu đồng

+ Thu sản cây cao su: 437 triệu đồng

+ Thu sản cây điều: 261 triệu đồng

+ Thu sản cây mắc ca: 88 triệu đồng

+ Thu từ cho thuê môi trường rừng: 30 triệu đồng

- Tổng chi phí: 27.575 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 4.099 triệu đồng
- Thuế TNDN: 820 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 3.279 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế nộp ngân sách nhà nước: 0 đồng
- Dự toán kinh phí theo Quyết định 42/2012/QĐ-TTg ngày 08/10/2012: 149 triệu đồng.

II.2 Các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh năm 2027

- Sản phẩm từ dịch vụ môi trường rừng năm 2026, tổng diện tích: 22.130 ha
- Sản phẩm từ dịch vụ công bảo vệ rừng: 22.252,91 ha
- Tổng doanh thu kế hoạch: 31.827 triệu đồng

+ Doanh thu DVMTR: 15.506 triệu đồng

+ Doanh thu Hợp đồng dịch vụ công: bảo vệ rừng: 13.352 triệu đồng

+ Thu từ khai thác lồ ô: 2.000 triệu đồng

+ Thu sản cây cao su: 437 triệu đồng

+ Thu sản cây điều: 261 triệu đồng

+ Thu sản cây mắc ca: 241 triệu đồng

+ Thu từ cho thuê môi trường rừng: 30 triệu đồng

- Tổng chi phí: 27.605 triệu đồng

- Lợi nhuận trước thuế: 4.222 triệu đồng

- Thuế TNDN: 844 triệu đồng

- Lợi nhuận sau thuế: 3.378 triệu đồng

- Lợi nhuận sau thuế nộp ngân sách nhà nước: 0 đồng

- Dự toán kinh phí theo Quyết định 42/2012/QĐ-TTg ngày 08/10/2012: 130 triệu đồng.

II.3 Các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh năm 2028

- Sản phẩm từ dịch vụ môi trường rừng năm 2026, tổng diện tích: 22.130 ha

- Sản phẩm từ dịch vụ công bảo vệ rừng: 22.252,91 ha

- Tổng doanh thu kế hoạch: 34.103 triệu đồng

+ Doanh thu DVMTR: 17.400 triệu đồng

+ Doanh thu Hợp đồng dịch vụ công: bảo vệ rừng: 13.352 triệu đồng

+ Thu từ khai thác lồ ô: 2.000 triệu đồng

+ Thu sản cây cao su: 437 triệu đồng

+ Thu sản cây điều: 261 triệu đồng

+ Thu sản cây mắc ca: 241 triệu đồng

+ Thu từ cho thuê môi trường rừng: 412 triệu đồng

- Tổng chi phí: 29.754 triệu đồng

- Lợi nhuận trước thuế: 4.349 triệu đồng

- Thuế TNDN: 870 triệu đồng

- Lợi nhuận sau thuế: 3.479 triệu đồng

- Lợi nhuận sau thuế nộp ngân sách nhà nước: 0 đồng

- Dự toán kinh phí theo Quyết định 42/2012/QĐ-TTg ngày 08/10/2012: 120 triệu đồng.

II.4 Các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh năm 2029

- Sản phẩm từ dịch vụ môi trường rừng năm 2026, tổng diện tích: 22.130 ha

- Sản phẩm từ dịch vụ công bảo vệ rừng: 22.252,91 ha

- Tổng doanh thu kế hoạch: 34.103 triệu đồng

+ Doanh thu DVMTR: 17.400 triệu đồng

+ Doanh thu Hợp đồng dịch vụ công: bảo vệ rừng: 13.352 triệu đồng

+ Thu từ khai thác lồ ô: 2.000 triệu đồng

+ Thu sản cây cao su: 437 triệu đồng

+ Thu sản cây điều: 261 triệu đồng

+ Thu sản cây mắc ca: 241 triệu đồng

+ Thu từ cho thuê môi trường rừng: 412 triệu đồng

- Tổng chi phí: 29.624 triệu đồng

- Lợi nhuận trước thuế: 4.479 triệu đồng

- Thuế TNDN: 896 triệu đồng

- Lợi nhuận sau thuế: 3.583 triệu đồng

- Lợi nhuận sau thuế nộp ngân sách nhà nước: 0 đồng

- Dự toán kinh phí theo Quyết định 42/2012/QĐ-TTg ngày 08/10/2012: 100 triệu đồng.

II.5 Các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh năm 2030

- Sản phẩm từ dịch vụ môi trường rừng năm 2026, tổng diện tích: 22.130 ha

- Sản phẩm từ dịch vụ công bảo vệ rừng: 22.252,91 ha

- Tổng doanh thu kế hoạch: 34.103 triệu đồng

+ Doanh thu DVMTR: 17.400 triệu đồng

+ Doanh thu Hợp đồng dịch vụ công: bảo vệ rừng: 13.352 triệu đồng

+ Thu từ khai thác lồ ô: 2.000 triệu đồng

+ Thu sản cây cao su: 437 triệu đồng

+ Thu sản cây điều: 261 triệu đồng

+ Thu sản cây mắc ca: 241 triệu đồng

+ Thu từ cho thuê môi trường rừng: 412 triệu đồng

- Tổng chi phí: 29.624 triệu đồng

- Lợi nhuận trước thuế: 4.479 triệu đồng

- Thuế TNDN: 896 triệu đồng

- Lợi nhuận sau thuế: 3.583 triệu đồng

- Lợi nhuận sau thuế nộp ngân sách nhà nước: 0 đồng

- Dự toán kinh phí theo Quyết định 42/2012/QĐ-TTg ngày 08/10/2012: 100 triệu đồng.

Trên đây là Báo cáo của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nam Tây Nguyên về việc đánh giá tình hình thực hiện NSNN năm 2025, xây dựng dự toán năm 2026 và kế hoạch tài chính – NSNN 05 năm 2026-2030.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch kiêm giám đốc;
- Kiểm soát viên;
- Văn thư.

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 6000233534 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NAM TÂY NGUYÊN - H.TUY ĐỨC - T.ĐẮK NÔNG

Nguyễn Ngọc Bình

Phụ lục 1

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - CÔNG TY MẸ DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẮM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ VÀ DOANH NGHIỆP CÓ VỐN NHÀ NƯỚC

(Kèm theo công văn số 11402/BTC-TCDN ngày 28/7/2025 của Bộ Tài chính)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên Doanh nghiệp	I. Kết quả kinh doanh								
		1. Tổng doanh thu (Mã số 10 + 21 + 31 KQKD)								
		2024	Năm 2025			Kế hoạch năm 2026	Kế hoạch năm 2027	Kế hoạch năm 2028	Kế hoạch năm 2029	Kế hoạch năm 2030
			Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện					
1	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nam Tây Nguyên	21.346	34.510	10.371	34.510	31.674	31.827	34.103	34.103	34.103

Phụ lục 1

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - CÔNG TY MẸ DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẮM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ VÀ DOANH NGHIỆP CÓ VỐN NHÀ NƯỚC

(Kèm theo công văn số 11402/BTC-TCDN ngày 28/7/2025 của Bộ Tài chính)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên Doanh nghiệp	I. Kết quả kinh doanh								
		2.a. Lãi phát sinh trước thuế TNDN (Mã số 50 KQKD)								
		2024	Năm 2025			Kế hoạch năm 2026	Kế hoạch năm 2027	Kế hoạch năm 2028	Kế hoạch năm 2029	Kế hoạch năm 2030
			Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện					
1	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nam Tây Nguyên	3.875	3.980	393	3.980	4.099	4.222	4.349	4.479	4.479

Phụ lục 1

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - CÔNG TY MẸ DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẮM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ VÀ DOANH NGHIỆP CÓ VỐN NHÀ NƯỚC

(Kèm theo công văn số 11402/BTC-TCDN ngày 28/7/2025 của Bộ Tài chính)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên Doanh nghiệp	I. Kết quả kinh doanh								
		2.b. Lãi phát sinh sau thuế TNDN (Mã số 60 KQKD)								
		2024	Năm 2025			Kế hoạch năm 2026	Kế hoạch năm 2027	Kế hoạch năm 2028	Kế hoạch năm 2029	Kế hoạch năm 2030
			Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện					
1	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nam Tây Nguyên	3.077	3.184	314	3.184	3.279	3.378	3.479	3.583	3.583

Phụ lục 1

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - CÔNG TY MẸ DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẮM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ VÀ DOANH NGHIỆP CÓ VỐN NHÀ NƯỚC

(Kèm theo công văn số 11402/BTC-TCDN ngày 28/7/2025 của Bộ Tài chính)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên Doanh nghiệp	I. Kết quả kinh doanh								
		3. Lỗ phát sinh (Mã số 50 KQKD âm)								
		2024	Năm 2025			Kế hoạch năm 2026	Kế hoạch năm 2027	Kế hoạch năm 2028	Kế hoạch năm 2029	Kế hoạch năm 2030
			Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện					
1	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nam Tây Nguyên									

Phụ luc 1

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - CÔNG TY MẸ DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẮM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ VÀ DOANH NGHIỆP CÓ VỐN NHÀ NƯỚC

(Kèm theo công văn số 11402/BTC-TCDN ngày 28/7/2025 của Bộ Tài chính)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên Doanh nghiệp	I. Kết quả kinh doanh								
		4. Lỗ lũy kế (Mã số 421 CĐKT âm)								
		2024	Năm 2025			Kế hoạch năm 2026	Kế hoạch năm 2027	Kế hoạch năm 2028	Kế hoạch năm 2029	Kế hoạch năm 2030
			Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện					
1	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nam Tây Nguyên									

Phụ lục 1

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - CÔNG TY MẸ DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẮM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ VÀ DOANH NGHIỆP CÓ VỐN NHÀ NƯỚC

(Kèm theo công văn số 11402/BTC-TCDN ngày 28/7/2025 của Bộ Tài chính)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên Doanh nghiệp	II. Lợi nhuận sau thuế phải nộp NSNN đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Cổ tức, lợi nhuận được chia theo phần vốn nhà nước đối với công ty cổ phần, công ty TNHH 2TV trở lên phải nộp NSNN								
		2024	Năm 2025			Kế hoạch năm 2026	Kế hoạch năm 2027	Kế hoạch năm 2028	Kế hoạch năm 2029	Kế hoạch năm 2030
			Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện					
1	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nam Tây Nguyên	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Phụ lục 1

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - CÔNG TY MẸ DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẮM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ VÀ DOANH NGHIỆP CÓ VỐN NHÀ NƯỚC

(Kèm theo công văn số 11402/BTC-TCDN ngày 28/7/2025 của Bộ Tài chính)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên Doanh nghiệp	III. Lợi nhuận sau thuế đã nộp NSNN đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Cổ tức, lợi nhuận được chia theo phần vốn nhà nước đã nộp NSNN đối với công ty cổ phần, công ty TNHH 2TV trở lên								
		2024	Năm 2025			Kế hoạch năm 2026	Kế hoạch năm 2027	Kế hoạch năm 2028	Kế hoạch năm 2029	Kế hoạch năm 2030
			Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiên					
1	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nam Tây Nguyên	208	0	0	0	0	0	0	0	0